

Số: KQHT.811.09.24

Scanned with
 CamScanner™

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ.811.09.24

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Ngày nhận mẫu: 06/09/2024
Tên mẫu: Nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường
Mã hiệu mẫu: N.06.09.24/811
Loại mẫu: Nước thải Thời gian thử nghiệm: 06/09/2024 – 27/09/2024
Tình trạng mẫu: Mẫu nước hơi đục Lượng mẫu: 10 lít

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	LOD (Giới hạn phát hiện của phương pháp)	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A, Cmax)
1	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1 : 2021	1,0	5,08	36
2	COD	mg/L	SMEWW 5220C: 2023	2,0	18,0	-
3	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2023	1,0	1,40	12
4	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	0,02	0,037	6
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625: 2000	2,0	36,2	60
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	TCVN 6637: 2000	0,011	0,020	1,2
7	NH ₄ ⁺ (Amoni tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,03	4,67	6
8	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	1,0	10,6	-
9	Tổng photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,02	0,36	-
10	Tổng Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2023	1,8	2.400	3000

Ghi chú:

- Tọa độ lấy mẫu: X: 2235764.8 – Y: 600504.7
- Mẫu được cán bộ Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam lấy theo yêu cầu của khách hàng và được bảo quản theo đúng quy định trong TT 10/2021/BTNMT.
- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Các chỉ tiêu không đánh dấu (**) thuộc phép thử đã được công nhận đạt VIMCERTS 087.
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (Bộ Tài nguyên môi trường).
- Cột A_ Áp dụng khi thải vào các nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
 - + Giá trị nồng độ tối đa cho phép $C_{max} = C \times K$
 - + Giá trị hệ số $K = 1,2$ ứng với loại hình cơ sở sản xuất dưới 500 người.
- Không được sao chép từng phần hay toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Trung tâm.

- Mọi thông tin và dữ liệu liên quan đến khách hàng cam kết sẽ được bảo mật.
- "-": Không quy định
- KPH: Không phát hiện.

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2024

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

TM. Cán bộ phân tích

Cán bộ kiểm tra

Giám đốc Trung tâm

ThS. Ngô Thị Tuyền Yên

ThS. Nguyễn Thu Hiền



ThS. Nguyễn Đoàn Huy



PHIẾU KẾT QUẢ HIỆN TRƯỜNG

Số: KQHT.812.09.24

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Ngày đo mẫu: 5-6/09/2024
Tên mẫu: Mẫu nước mặt sông Yên tại điểm tiếp nhận nước thải sinh hoạt
Mã hiệu mẫu: N.06.09.24/812
Loại mẫu: Mẫu nước mặt
Tình trạng hoạt động: Trong thời gian lấy mẫu, công ty hoạt động bình thường

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Dải đo/LOD (Giới hạn phát hiện của phương pháp)	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	
					NM1	Bảng 1	Bảng 2 (Mức B)
1	pH	TCVN 6492:2011	-	2 - 12	7,18	-	6,0-8,5

Ghi chú:

- NMI: Tọa độ lấy mẫu: X: 2235814.7 – Y: 600490.8

Mẫu được cán bộ Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam lấy theo yêu cầu của khách hàng và được bảo quản theo đúng quy định trong TT 10/2021/BTNMT.

- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Các chỉ tiêu không đánh dấu (**) thuộc phép thử đã được công nhận đạt VIMCERTS 087.

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

- Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước.

- Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- Không được sao chép từng phần hay toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Trung tâm.

- Mọi thông tin và dữ liệu liên quan đến khách hàng cam kết sẽ được bảo mật.

- "-": Không có trong quy chuẩn

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2024

TUO. VIỆN TRƯỞNG

TM. Cán bộ QHTT

Cán bộ kiểm tra

Giám đốc Trung tâm



CN. Nguyễn Văn Nam

ThS. Nguyễn Thanh Bình

ThS. Nguyễn Đoàn Huy

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ.812.09.24

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình

Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Ngày nhận mẫu: 06/09/2024

Tên mẫu: Mẫu nước mặt sông Yên tại điểm tiếp nhận nước thải sinh hoạt

Mã hiệu mẫu: N.06.09.24/812

Loại mẫu: Nước mặt

Thời gian thử nghiệm: 06/09/2024 – 27/09/2024

Tình trạng mẫu: Mẫu nước đục

Lượng mẫu: 10 lít

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	LOD (Giới hạn phát hiện của phương pháp)	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	
						Bảng 1	Bảng 2 (Mức B)
1	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1 : 2021	1,0	12,5	-	≤6
2	COD	mg/L	SMEWW 5220C: 2023	2,0	28,1	-	≤15
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625: 2000	2,0	32,5	-	≤100
4	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,03	0,84	0,3	-
5	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 -F ⁻ .B&D: 2023	0,05	1,04	1	-
6	Xianua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181: 1996	0,001	KPH	0,01	-
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B: 2023	0,002	0,012	0,01	-
8	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B: 2023	0,0002	KPH	0,005	-
9	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B: 2023	0,002	0,010	0,02	-
10	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	TCVN 7939:2008	0,002	0,0075	0,01	-
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B: 2023	0,05	KPH	0,1	-
12	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B: 2023	0,02	0,10	0,5	-
13	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3113B: 2023	0,001	0,0075	0,1	-
14	Mn (Mangan)	mg/L	SMEWW 3111B: 2023	0,02	0,36	0,1	-
15	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	0,0002	KPH	0,001	-

VIỆN HÓA HỌC
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 2 Phạm Ngũ Lão - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Hotline: (024) 3824 2107 - 0981 306 660 | Email: trungtamphanlich341@gmail.com

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	LOD (Giới hạn phát hiện của phương pháp)	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	
						Bảng 1	Bảng 2 (Mức B)
16	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177 : 1996	0,03	0,58	0,5	-
17	Tổng Phenol(***)	mg/L	TCVN 6216:1996	-	< 0,001	0,005	-
18	Tổng nitơ	mg/L	SMEWW 4500N-C:2023 + SMEWW 4500E-NO ₃ ⁻ :2023	0,05	3,28	-	≤1,5
19	Tổng dầu, mỡ	mg/L	SMEWW 5520B : 2023	1,0	KPH	5	-

Ghi chú:

- NMI: Tọa độ lấy mẫu: X: 2235814.7 – Y: 600490.8

Mẫu được cán bộ Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam lấy theo yêu cầu của khách hàng và được bảo quản theo đúng quy định trong TT 10/2021/BTNMT.

- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Các chỉ tiêu không đánh dấu (**) thuộc phép thử đã được công nhận đạt VIMCERTS 087. Chỉ tiêu đánh dấu (***) là chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ (VIMCERTS 195)

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

- Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước.

- Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- Không được sao chép từng phần hay toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Trung tâm.

- Mọi thông tin và dữ liệu liên quan đến khách hàng cam kết sẽ được bảo mật.

- "-": Không có trong quy chuẩn



Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2024

TU. VIỆN TRƯỞNG

TM. Cán bộ phân tích

Cán bộ kiểm tra

Giám đốc Trung tâm



ThS. Ngô Thị Tuyền Yên

ThS. Nguyễn Thu Hiền

ThS. Nguyễn Đoàn Huy

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ.801-802.09.24

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Ngày lấy mẫu: 05-06/09/2024
Tên mẫu: KT1: Khí thải lò cao số 1
KT2: Khí thải lò cao số 2
Mã hiệu mẫu: K.06.09.24/801 đến K.06.09.24/802
Loại mẫu: Mẫu khí thải
Tình trạng hoạt động: Thời điểm lấy mẫu, Công ty hoạt động bình thường

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Dải đo/ LOD (Giới hạn phát hiện của phương pháp)	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)	QCVN 21:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)
					KT1 K.06.09.24/801	KT2 K.06.09.24/802		
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	0 - 4,530,000	22.197	25.357	-	-
2	Nhiệt độ	°C	HDPP/HT/KT/06	0 - 1,000	299	271	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	3,0	91,9	88,8	180	180
4	CO	mg/Nm ³	HDPP/HT/KT/06	1,14	839	482	900	-
5	SO ₂	mg/Nm ³	HDPP/HT/KT/06	2,62	88,3	393	450	450
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	HDPP/HT/KT/06	2,07	KPH	5,66	765	765
7	H ₂ S(***)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	-	<2,0	<2,0	6,75	-
8	NH ₃ (***)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	-	<12	<12	45	45
9	H ₂ SO ₄ (***)	mg/Nm ³	US EPA Method 8	-	<1,3	<1,3	45	45
10	HF(***)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	-	KPH	KPH	18	-
11	Tổng Florua (F ⁻)(***)	mg/Nm ³	US EPA Method 13A	-	<0,2	<0,2	-	45

Ghi chú:

- KT1: Tọa độ lấy mẫu: X: 2235560.8 – Y: 600405.5

BM.01/TT.10

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành/soát xét: 10/05/19

Trang: 1/2

-KT2: Tọa độ lấy mẫu: X: 223557,5 - Y: 600421,2

- Mẫu được cán bộ Viện Hóa Học Công Nghiệp Việt Nam lấy theo yêu cầu của khách hàng và được bảo quản theo đúng quy định trong TT 10/2021/BTNMT.

- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Các chỉ tiêu không đánh dấu (**) thuộc phép thử đã được công nhận đạt Vimeris 087. Chỉ tiêu đánh dấu (***) là chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ (VIMCERTS 195)

- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học.

- Cột B quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học đối với tất cả các cơ sở sản xuất phân bón hóa học áp dụng

+ C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Lưu lượng nguồn thải $20.000 < P \cdot 100.000m^3/h$, $K_p=0,9$

+ K_v là hệ số vùng. $K_v=1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nguồn thải $20.000 < P \cdot 100.000m^3/h$, $K_p = 0,9$

+ K_v là hệ số vùng. $K_v=1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3.

+ Dầu (-): Chỉ tiêu không quy định trong quy chuẩn.

+ KPH: Không phát hiện.

TM. Cán bộ QTH

CN. Nguyễn Văn Nam

Cán bộ kiểm tra

ThS. Nguyễn Thanh Bình

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2024

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm



ThS. Nguyễn Đoàn Huy



VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 2 Phạm Ngũ Lão - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Hotline: (024) 3824 2107 - 0981 306 660 | Email: trungtamphanthich341@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ.803-805.09.24

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Ngày lấy mẫu: 05-06/09/2024
Tên mẫu: KT3: Khí thải từ quá trình sấy lần 1
KT4: Khí thải từ quá trình sấy lần 2
KT7: Khí thải ống khói khu vực sản xuất NPK 1 màu (sấy nóng 1)
Mã hiệu mẫu: K.06.09.24/803 đến K.06.09.24/805
Loại mẫu: Mẫu khí thải
Tình trạng hoạt động: Thời điểm lấy mẫu, Công ty hoạt động bình thường

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Dải đo/ LOD (Giới hạn phát hiện của phương pháp)	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)	QCVN 21:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)
					KT3 K.06.09.24/803	KT4 K.06.09.24/804	KT7 K.06.09.24/805		
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2	0 - 4.530.000	11.208	10.435	9.605	-	-
2	Nhiệt độ	°C	HDPP/HT/KT/06	0 - 1.000	68,1	69,1	30,5	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	3,0	133	128	62,4	180	180
4	CO	mg/Nm ³	HDPP/HT/KT/06	1,14	13,3	11,4	KPH	900	-
5	SO ₂	mg/Nm ³	HDPP/HT/KT/06	2,62	7,00	4,45	KPH	450	450
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	HDPP/HT/KT/06	2,07	39,6	33,3	KPH	765	765





**VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH**

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 2 Phạm Ngũ Lão - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Hotline: (024) 3824 2107 - 0981 306 660 | Email: trungtamphanthich341@gmail.com

- KT4: Tọa độ lấy mẫu: X: 2235550.3 – Y: 600412.3
- KT7: Tọa độ lấy mẫu: X: 2235415.3 – Y: 600306.8
- Mẫu được cán bộ Viện Hóa Học Công Nghiệp Việt Nam lấy theo yêu cầu của khách hàng và được bảo quản theo đúng quy định trong TT 10/2021/BTNMT.
- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Các chỉ tiêu không đánh dấu (**) thuộc phép thử đã được công nhận đạt Vimcerts 087.
- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học.
- Cột B quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học đối với tất cả các cơ sở sản xuất phân bón hóa học với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

- + C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải
- + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Lưu lượng nguồn thải $20.000 < P \leq 100.000 m^3/h$, $K_p = 0,9$
- + K_v là hệ số vùng. $K_v = 1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- + C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải.
- + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nguồn thải $20.000 < P \leq 100.000 m^3/h$, $K_p = 0,9$
- + K_v là hệ số vùng. $K_v = 1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3.
- + Dấu (-): Chỉ tiêu không quy định trong quy chuẩn.
- + KPH: Không phát hiện.

TM. Cán bộ QHTT

Cán bộ kiểm tra

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2024

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm



TS. Nguyễn Đoàn Huy



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ.809-810.09.24

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Ngày lấy mẫu: 05-06/09/2024
Tên mẫu: KT5: Khí thải ống khói khu vực đóng bao
KT6: Khí thải ống khói khu vực nghiền
Mã hiệu mẫu: K.06.09.24/809 đến K.06.09.24/810
Loại mẫu: Mẫu khí thải
Tình trạng hoạt động: Thời điểm lấy mẫu, Công ty hoạt động bình thường

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Dải đo/ LOD (Giới hạn phát hiện của phương pháp)	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)	QCVN 21:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)
					KT5 K.06.09.24/809	KT6 K.06.09.24/810		
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	3,0	23,1	21,1	180	180

Ghi chú:

- KT5: Tọa độ lấy mẫu: X: 2235544.0 – Y: 600492.6
- KT6: Tọa độ lấy mẫu: X: 2235549.7 – Y: 60043.1
- Mẫu được cán bộ Viện Hóa Học Công Nghiệp Việt Nam lấy theo yêu cầu của khách hàng và được bảo quản theo đúng quy định trong TT 10/2021/BTNMT.
- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Các chỉ tiêu không đánh dấu (**) thuộc phép thử đã được công nhận đạt Vincerts 087.
- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học.
- Cột B quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học đối với tất cả các cơ sở sản xuất phân bón hóa học với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

- + C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải
- + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Lưu lượng nguồn thải $20.000 < P \leq 100.000 m^3/h$, $K_p = 0,9$
- + K_v là hệ số vùng. $K_v = 1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

BM.01/TT.10

Lần ban hành: 05

Ngày ban hành/soát xét: 10/05/19

Trang: 1/2

- Cột B: áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- + C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải.
- + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nguồn thải $20.000 < P < 100.000 m^3/h$, $K_p = 0,9$
- + K_v là hệ số vùng. $K_v = 1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3.
- + Dấu (-): Chỉ tiêu không quy định trong quy chuẩn.
- + KPH: Không phát hiện.

TM. Cán bộ QTHT



CN. Nguyễn Văn Nam

Cán bộ kiểm tra



ThS. Nguyễn Thanh Bình

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2024
TUQ. VIỆN TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm



ThS. Nguyễn Đoàn Huy



VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 2 Phạm Ngũ Lão - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Hotline: (024) 3824 2107 - 0981 306 660 | Email: trungtamphanthich341@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ.806-808.09.24

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình
Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Ngày lấy mẫu: 05-06/09/2024
Tên mẫu: KT8: Khí thải ống khói khu vực sản xuất NPK 1 màu (sấy nóng 2)
KT9: Khí thải ống khói khu vực sản xuất NPK 1 màu (sấy lạnh 1)
KT10: Khí thải ống khói khu vực sản xuất NPK 1 màu (sấy lạnh 2)
Mã hiệu mẫu: K.06.09.24/806 đến K.06.09.24/808
Loại mẫu: Mẫu khí thải
Tình trạng hoạt động: Thời điểm lấy mẫu, Công ty hoạt động bình thường

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Dải đo/ LOD (Giới hạn phát hiện của phương pháp)	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)	QCVN 21:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)
					KT8 K.06.09.24/806	KT9 K.06.09.24/807	KT10 K.06.09.24/808		
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	0 - 4.530.000	9.995	10.513	8.727	-	-
2	Nhiệt độ	°C	HDPP/HT/KT/06	0 - 1.000	30,3	30,2	29,8	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	3,0	46,0	52,3	41,3	180	180
4	CO	mg/Nm ³	HDPP/HT/KT/06	1,14	KPH	KPH	KPH	900	-
5	SO ₂	mg/Nm ³	HDPP/HT/KT/06	2,62	KPH	KPH	KPH	450	450
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	HDPP/HT/KT/06	2,07	KPH	KPH	KPH	765	765





**VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH**

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 2 Phạm Ngũ Lão - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Hotline: (024) 3824 2107 - 0981 306 660 | Email: trungtamphanlich341@gmail.com

- KT9: Tọa độ lấy mẫu: X: 2235411.7 – Y: 600305.4
- KT10: Tọa độ lấy mẫu: X: 2235408.3 – Y: 600305.7
- Mẫu được cán bộ Viện Hóa Học Công Nghiệp Việt Nam lấy theo yêu cầu của khách hàng và được bảo quản theo đúng quy định trong TT 10/2021/BTNMT.
- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Các chỉ tiêu không đánh dấu (**) thuộc phép thử đã được công nhận đạt Vincerts 087.
- QCVN 21:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học.
- Cột B quy định nồng độ C của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học đối với tất cả các cơ sở sản xuất phân bón hóa học với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

- + C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải
- + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Lưu lượng nguồn thải $20.000 < P \leq 100.000 m^3/h$, $K_p = 0,9$
- + K_v là hệ số vùng. $K_v = 1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- + C là nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải.
- + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải. Tổng lưu lượng nguồn thải $20.000 < P \leq 100.000 m^3/h$, $K_p = 0,9$
- + K_v là hệ số vùng. $K_v = 1$ do cơ sở thuộc khu vực loại 3.
- + Dấu (-): Chỉ tiêu không quy định trong quy chuẩn.
- + KPH: Không phát hiện.

TM. Cán bộ QHTT

Cán bộ kiểm tra

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2024

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm



TS. Nguyễn Đoàn Huy

